

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 11 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoa

2. Bà Trần Thị Quế Anh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại Nhà văn hóa đa năng xã Bảo Nhai , huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021.

1. Nguyên đơn: Anh Lý Văn T, năm sinh 1985

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bồng Thị H, năm sinh 1983

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai -Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lý Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn T và chị Bồng Thị H về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc chung sống của anh chị là tự nguyện. Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Khi mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên bảo, động viên nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ đầu tháng 5 năm 2021 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, cuộc sống của anh chị không hạnh phúc, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bồng Thị H.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống anh Lý Văn T và chị Bồng Thị H có hai con chung: Cháu Lý Xuân T, sinh ngày 16/12/2001, cháu Lý Xuân N, sinh ngày 01/6/2004, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, các cháu không được tặng, cho thừa kế tài sản gì; hiện nay cháu N đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Xuân N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Lý Xuân T đã trên 18 tuổi nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh T và chị H đều làm ruộng nương và trồng trọt tại địa phương, thu nhập một tháng của chị H khoảng 3.000.000 đồng, thu nhập của anh T khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, hiện anh có nhà riêng ổn định; anh và chị H đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân; Sổ hộ khẩu; Giấy khai sinh cháu T; Trích lục khai sinh cháu N; Căn cước công dân anh T; Đơn đề nghị xác nhận thu nhập anh T, chị H.

2. Đề nghị của bị đơn: Chị Bồng Thị H nhất trí với anh Lý Văn T trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa chị và anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống nên anh chị thường xảy ra cãi chửi nhau, hiện chị và anh T đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh Lý Văn T.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị Bồng Thị H nhất trí với anh Lý Văn T trình bày về con chung. Do hiện nay cháu N đang ở cùng anh T nên chị đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, hiện nay chị và anh T đều làm ruộng nương và trồng trọt tại địa phương, thu nhập một tháng của chị khoảng 3.000.000 đồng, thu nhập của anh T khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, nhưng anh T có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn chị vì hiện anh T đang ở nhà riêng cùng mẹ đẻ. Còn cháu Lý Xuân T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của bị đơn là có căn cứ và hợp pháp: Bị đơn không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 18/10/2021, cháu Lý Xuân N trình bày: Nếu bố mẹ cháu không chung sống với nhau mà ly hôn, thì nguyện vọng của cháu được ở với bố cháu là Lý Văn T.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát:

4.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nguyên tắc xét xử; thành phần Hội đồng xét xử; sự có mặt của các thành viên hội đồng, thu

ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại điều 51 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng

- Về hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, khoản 4 Điều 3 thông tư 01/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật HN&GD để không công nhận mối quan hệ giữa anh Lý Văn T và chị Bồng Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Áp dụng điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Lý Xuân N đến 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuân theo qui định Pháp luật.

4.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Bị đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Văn T và chị Bồng Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của anh T và chị H, nên việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn là không có căn cứ và không được Tòa án xem xét giải quyết. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Anh Lý Văn T và chị Bồng Thị H là vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa anh Lý Văn T và chị Bồng Thị H chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống anh Lý Văn T và chị Bồng Thị H có hai con chung: Cháu Lý Xuân T, sinh ngày 16/12/2001, cháu Lý Xuân N, sinh ngày 01/6/2004, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường; hiện nay cháu N đang ở với anh T, cháu N có ý kiến xin được ở với anh T. Tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn, anh T và chị H đã thỏa thuận: Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị H không phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Lý Xuân T đã trên 18 tuổi nên anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T và chị H đều thừa nhận hiện nay anh, chị đều làm ruộng nương và trồng trọt tại địa phương, thu nhập một tháng của chị H khoảng 3.000.000 đồng, thu nhập của anh T khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, anh T có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn vì anh T có nhà riêng.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mặt của con, thì cả anh T và chị H đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H vắng mặt, Tòa án không xác định được việc chị H và anh T có thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó hay không, nên việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Lý Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Lý Văn T và chị Bông Thị H là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Lý Xuân N, sinh ngày 01/6/2004 cho anh Lý Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nghĩa đủ 18 tuổi. Chị Bông Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh Lý Văn T phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003913 ngày 05/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu: HS, THS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương